

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 8 - 2020
V/v ly hôn giữa chị N và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Bút

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường cãi chửi nhau, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống, anh T bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm cũng không liên lạc gì với chị mặc dù biết chị đang mang thai. Từ tháng 7/2019 chị về nhà bố mẹ đẻ tại đội, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục

đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T;

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 30/01/2020 đang ở với chị. Từ khi sinh con đến nay anh T không quan tâm, không có trách nhiệm gì tới mẹ con chị, nên khi ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần may I dệt Nam Định có thu nhập hằng tháng là 4,5 triệu đồng, nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc, nhưng anh T không đến cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2020 của Tòa án với gia đình anh T, bà Vũ Thị H, mẹ đẻ của anh T cung cấp: Anh Trần Văn T là con trai út của gia đình bà, năm 2019 anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị N quê ở huyện T, tỉnh Nam Định. Quá trình anh T và chị N chung sống không hạnh phúc do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, khoảng tháng 3 năm 2019 anh T đi làm ăn trên Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể như thế nào bà không biết, thỉnh thoảng anh T vẫn liên lạc với bà qua điện thoại, khi gia đình có việc anh T vẫn về địa phương nhưng không có thời gian cụ thể, từ khi anh T đi làm thì chị N cũng về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 30/01/2020 thỉnh thoảng bà vẫn lên nhà chị N chơi thăm cháu. Hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam định, chị N làm đơn xin ly hôn anh T, bà đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, bà đã thông báo ngày cho anh T, anh T không đến Tòa án làm việc vì lý do gì bà không biết. Khi bà gọi điện anh T có nói "Hiện nay các con không ở được với nhau, nên con nhất trí với đơn xin ly hôn của N; về con chung cháu Đ còn nhỏ nên để N nuôi sau này cháu lớn con sẽ có trách nhiệm sau".

Tại phiên tòa:

Chị N và anh T đều vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn (chị N) đã thực hiện đúng; bị đơn (anh T) đã được Tòa án tổng các văn bản tố tụng, giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 30/01/2020 cho chị N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt thủ tục phiên tòa 02 lần hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ tháng 7 năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Trần Văn T biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị N, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh đã có ý thức bỏ mặc không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chung sống đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị N và anh T không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn T của chị Nguyễn Thị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung chưa thành niên: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 30/01/2020, khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Đ còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, từ khi sinh con anh T không có quan tâm trách nhiệm gì, khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần may I dệt Nam Định có thu nhập ổn định, nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Sự tự nguyện của chị N không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con

chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 30/01/2020 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai số 0000156, ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh